

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2008/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Chế độ hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ lao động
và vật liệu của Ngân hàng Nhà nước**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 07/2006/NĐ-CP ngày 10/01/2006 của Chính phủ về Chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chế độ hạch toán kế toán tài

sản cố định, công cụ lao động và vật liệu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2009 và thay thế Quyết định số 1407/2001/QĐ-NHNN ngày 12/11/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và hạch toán tài sản cố định, công cụ lao động, vật liệu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đặng Thanh Bình

CHẾ ĐỘ**hạch toán kế toán tài sản cố định, công cụ lao động và vật liệu
của Ngân hàng Nhà nước**

*(ban hành theo Quyết định số 32/2008/QĐ-NHNN ngày 03/12/2008
của Thống đốc NHNN)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ này quy định việc hạch toán kế toán (sau đây gọi tắt là hạch toán hoặc kế toán) tài sản cố định (TSCĐ), công cụ lao động và vật liệu tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Việc hạch toán quá trình hình thành tài sản đối với công trình đầu tư xây dựng cơ bản và các dự án viện trợ không hoàn lại (trong quá trình thực hiện dự án) thuộc hệ thống NHNN không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chế độ này.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Chế độ này là Vụ Tài chính - Kế toán, Cục Quản trị, Sở Giao dịch, Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, Cục Công nghệ tin học, Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Cục Công nghệ tin học, Chi cục Phát hành và Kho quỹ, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị

thực hiện hạch toán trên hệ thống tài khoản kế toán NHNN (sau đây gọi chung là các đơn vị NHNN).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị trang cấp TSCĐ là các đơn vị NHNN được giao nhiệm vụ thực hiện mua sắm và cấp bằng hiện vật TSCĐ đặc thù cho các đơn vị NHNN theo quy định của Thống đốc NHNN.

2. Đơn vị được trang cấp TSCĐ là các đơn vị NHNN thực hiện nhận TSCĐ từ đơn vị trang cấp TSCĐ.

3. Đơn vị thanh toán vốn trực tiếp là các đơn vị NHNN thực hiện thanh toán vốn qua hệ thống chuyển tiền điện tử hoặc chuyển tiền điện tử liên ngân hàng với Vụ Tài chính - Kế toán.

4. Đơn vị thanh toán vốn gián tiếp là các đơn vị NHNN có quan hệ thanh toán vốn qua tài khoản 591 - Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN với Vụ Tài chính - Kế toán.

Điều 3. Quy định về trích khấu hao TSCĐ**1. Nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ**

TSCĐ của NHNN được trích khấu

hao theo quy định của Bộ Tài chính đối với các doanh nghiệp.

2. Phương pháp trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ của NHNN được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ bằng cách lấy nguyên giá TSCĐ chia cho thời gian sử dụng tính theo năm của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao TSCĐ hàng tháng được tính là mức trích khấu hao trung bình hàng năm chia cho 12 tháng.

- Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, các đơn vị NHNN phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định

lại hoặc thời gian sử dụng còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian sử dụng theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Chế độ này trừ (-) thời gian đã sử dụng) của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá của TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.

3. Thời gian sử dụng TSCĐ

- Đối với TSCĐ còn mới (chưa qua sử dụng), thời gian sử dụng của TSCĐ làm cơ sở cho việc trích khấu hao TSCĐ tại NHNN được quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Chế độ này.

- Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của TSCĐ được xác định như sau:

$$\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ mới cùng loại hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường}} \times \text{Thời gian sử dụng của TSCĐ mới cùng loại xác định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Chế độ này}$$

Trong đó: Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ (trong trường hợp được cấp, được điều chuyển), giá trị theo đánh giá của Hội đồng định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng)...

Chương II

HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ

Điều 4. Tài khoản và chứng từ, sổ kế toán

1. Tài khoản kế toán

Kế toán TSCĐ sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- TK 301- TSCĐ hữu hình
- TK 302- TSCĐ vô hình
- TK 3051- Hao mòn TSCĐ hữu hình
- TK 3052- Hao mòn TSCĐ vô hình
- TK 321- Mua sắm TSCĐ
- TK 602- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ
- TK 841- Khấu hao cơ bản TSCĐ
- TK 9913- Tài sản thuê ngoài (tài khoản chi tiết: TSCĐ thuê ngoài)

Nội dung, tính chất và kết cấu của các tài khoản này thực hiện theo quy định cụ thể trong Hệ thống tài khoản kế toán NHNN.

2. Chứng từ, sổ kế toán

Kế toán TSCĐ sử dụng các chứng từ, sổ kế toán chủ yếu sau:

- Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ (Phụ lục 02)
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Phụ lục 03)
- Biên bản nghiệm thu và giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Phụ lục 04)
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Phụ lục 05)
- Biên bản kiểm kê TSCĐ (Phụ lục 06)
- Thẻ TSCĐ (Phụ lục 07)

- Sổ TSCĐ (Phụ lục 08)

- Bảng kê trích khấu hao TSCĐ (Phụ lục 09)

- Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ lao động tại nơi sử dụng (Phụ lục 10)

- Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng (Phụ lục 11)

- Phiếu hạch toán Có tài khoản ngoại bảng (Phụ lục 12)

- Bộ hóa đơn, chứng từ TSCĐ của nhà cung cấp

Điều 5. Hạch toán TSCĐ do đơn vị sử dụng thực hiện mua sắm

1. Hạch toán mua sắm TSCĐ tại đơn vị thanh toán vốn trực tiếp

- Trong phạm vi dự toán được duyệt, đơn vị NHNN tiến hành mua TSCĐ. Căn cứ vào chứng từ mua sắm TSCĐ hợp pháp, hợp lý, Kế toán hạch toán:

Nợ TK 321- Mua sắm TSCĐ

Có TK thích hợp

- Căn cứ hồ sơ quyết toán mua sắm TSCĐ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hạch toán nhập TSCĐ theo đúng giá trị quyết toán được duyệt:

Nợ TK 301- TSCĐ hữu hình

Và/hoặc Nợ TK 302- TSCĐ vô hình

Có TK 321- Mua sắm TSCĐ

2. Hạch toán mua sắm TSCĐ tại đơn vị thanh toán vốn gián tiếp

2.1. Trường hợp Vụ Tài chính - Kế toán chuyển vốn tạm ứng theo dự toán được phê duyệt cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ

a) Kế toán tại Vụ Tài chính - Kế toán
- Tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ:

Căn cứ dự toán được phê duyệt, Kế toán lập chứng từ chuyển tiền tạm ứng cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ qua Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mua sắm TSCĐ mở tài khoản thanh toán, hạch toán:

Nợ TK 591- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ/Tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ)

Có TK Chuyển tiền đi

- Quyết toán vốn mua sắm TSCĐ:

Căn cứ vào hồ sơ quyết toán, số tiền đã tạm ứng, Kế toán lập chứng từ chuyển tiếp số tiền chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ; hạch toán:

Nợ TK 591- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ/Nguồn vốn đã hình thành TSCĐ)

Có TK 591- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ/Tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ)

Có TK Chuyển tiền đi

Phân chênh lệch giữa số được duyệt quyết toán với số đã tạm ứng

b) Kế toán tại Sở Giao dịch hoặc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đơn vị mua sắm TSCĐ mở tài khoản thanh toán

- Khi nhận được lệnh chuyển tiền của Vụ Tài chính - Kế toán chuyển cho đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ, hạch toán:

Nợ TK Chuyển tiền đến

Có TK 591- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ)

- Thực hiện thanh toán theo yêu cầu của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ:

Nợ TK 591- Thanh toán khác giữa các đơn vị NHNN

(tài khoản chi tiết của đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ)

Có TK thích hợp (1021, ...)

c) Kế toán tại đơn vị NHNN mua sắm TSCĐ

- Nhận tạm ứng vốn mua sắm TSCĐ từ Vụ Tài chính - Kế toán: Căn cứ giấy báo Có về số tiền do Vụ Tài chính - Kế toán chuyển, hạch toán: